

# MARKET LENS

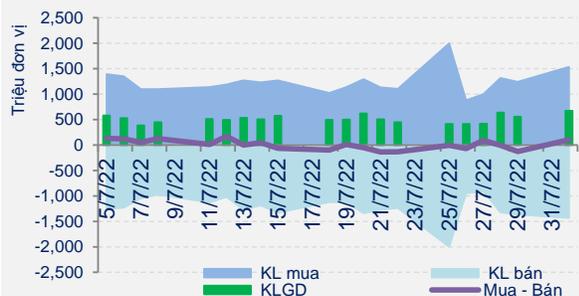
Phiên giao dịch ngày:

1/8/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,231.35	294.62
% Thay đổi	↑ 2.07%	↑ 2.08%
KLGD (CP)	670,069,992	83,213,353
GTGD (tỷ đồng)	16,177.78	1,597.45
Tổng cung (CP)	1,432,996,300	122,357,700
Tổng cầu (CP)	1,536,088,200	121,112,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	20,032,100	1,246,400
KL mua (CP)	44,004,200	700,400
GT mua (tỷ đồng)	1,477.85	14.56
GT bán (tỷ đồng)	817.00	24.16
GT ròng (tỷ đồng)	660.84	(9.60)

### Tương quan cung cầu HOSE



### Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



### CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm tốt trong phiên hôm nay với thanh khoản, khối lượng giao dịch cao nhất trong hơn 02 tháng này kể từ phiên giảm mạnh 13/06/2022.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-INDEX tăng 25,02 điểm (+2,07%) lên 1.231,35 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE tích cực với 359 mã tăng (14 mã tăng trần), 60 mã tham chiếu, 105 mã giảm (3 mã giảm sàn). HNX-INDEX tăng 6,01 điểm (+2,08%) lên 294,62 điểm. Độ rộng trên sàn HNX tích cực với 151 mã tăng (10 mã tăng trần), 53 mã tham chiếu, 51 mã giảm (5 mã giảm sàn).

Thị trường giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện ngay từ đầu phiên và được duy trì tốt cho đến hết phiên.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (+1,97%) cũng tăng khá tốt, mức tăng xấp xỉ so với thị trường chung với 30/30 mã tăng, có thể kể đến SSI (+6,8%), HPG (+6,1%), CTG (+5,5%), BID (+4,6%), VRE (+3,6%), GVR (+3,3%), MBB (3,1%), VCB(3,1%)... là những mã tăng trên 3%.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục thể hiện vai trò dẫn dắt hôm nay nổi bật như CTG (+5,5%), BID (+4,6%), MBB (+3,1%), VCB (+3,1%), LBP (+3,6%), ...

Thị trường hồi phục đi kèm với thanh khoản cũng gia tăng tốt khiến cho nhóm chứng khoán cũng có sự bứt phá với nhiều mã đóng cửa tăng hết biên độ như SSI (+6,8%), VND (+6,8%), CTS (+6,8%).. hay BVS (+9,4%), SHS (+8,4%), VIX 96,3%, MBS (6,3%)...

Nhóm cổ phiếu thép sau thời gian dài điều chỉnh tích lũy cũng đã phục hồi tăng điểm mạnh mẽ như HPG (+6,1%), HSG (+6,8%), NKG (6,7%), TLH (+5,0%)...

Cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, bất động sản cũng thu hút được dòng tiền và đồng loạt tăng giá như KBC (+4,9%), SZC (+3,2%), DXG (+6,0%), ITC (+6,8%), NLG (+5,4%), IJC (+4,8%), CEO (+4,5%)...

Khối ngoại mua ròng trên HOSE với giá trị ròng đạt 655 tỷ đồng. Mã được mua ròng nhiều nhất là SSI với 113,8 tỷ đồng tương ứng với 5,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là STB với 104,6 tỷ đồng tương ứng với 4,1 triệu cổ phiếu và HPG với 75,9 tỷ đồng tương ứng với 3,4 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DGC là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 39,5 tỷ đồng tương ứng với 461 nghìn cổ phiếu.

Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đang thấp hơn khá nhiều so với chỉ số cơ sở VN30 từ 11,85 đến 17,35 điểm, cho thấy các trader không kỳ vọng lớn đối với mức độ phục hồi của VN30.

# MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **1/8/2022**

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



VN-Index tăng điểm mạnh trong phiên đầu tuần, mức tăng 2,07% tốt nhất trong gần 02 tháng qua với thanh khoản gia tăng tích cực trên mức trung bình. Diễn biến trong phiên có thể thấy lực cầu gia tăng mạnh với khối lượng dư mua áp đảo dư bán. VN-INDEX lần lượt vượt các vùng kháng cự 1.200-1.211\_vùng đỉnh giá năm 2018 và 1.218-1.220\_giá trung bình MA50 ngày. Đây cũng là vùng hỗ trợ ngắn hạn gần nhất của VN-INDEX trong các phiên tiếp theo.

Phân tích theo quan điểm lý thuyết sóng Elliott, VN-INDEX đã hoàn thành xong một chu kỳ gồm 8 bước sóng (1-2-3-4-5-a-b-c) kéo dài từ cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 2020 khi VN-INDEX chạm ngưỡng hỗ trợ 650 điểm (trendline nối các đáy 2009, 2012, 2020) cho đến nửa đầu tháng 7 năm 2022 khi VN-INDEX test thành công hai lần hỗ trợ quanh 1.140 điểm.

Với việc VN-Index đã vượt qua được vùng kháng cự 1220 (MA50 ngày). Do đó, kỳ vọng tích cực, VN-INDEX sẽ kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1220, nếu lực cầu mua lên tiếp tục gia tăng thì VN-INDEX có thể sẽ hướng đến ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 1.240 điểm.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX mở đầu tháng 08/2022 rất tích cực khi tăng điểm thuyết phục vượt đỉnh giá năm 2018. Kết phiên VN-INDEX ở mức 1.231,35 điểm tăng 2,07% với khối lượng giao dịch gia tăng tốt 27,0% so với phiên trước. Kỳ vọng trong phiên giao dịch tiếp, VN-INDEX sẽ rung lắc kiểm tra lại vùng hỗ trợ gần nhất 1.220-1.225 để tiếp tục hướng đến các vùng kháng cự 1.240-1.245.

Trên góc nhìn dài hạn, Thị trường vẫn đang hình thành vùng tích lũy, kỳ vọng sẽ có xu hướng tích lũy chặt chẽ dần theo quan điểm dài hạn. Ở vùng giá hiện tại định giá thị trường vẫn đang ở mức thấp so với trung bình nhiều năm, trong bối cảnh tăng trưởng nền kinh tế vẫn được duy trì. Tốc độ tăng trưởng GDP Quý 2/2022 tăng 7,72% cao nhất trong thập kỷ qua và GDP Quý 3/2022 có thể trên 9%.

Nhà đầu tư có thể xem xét chọn lọc giải ngân, tích lũy đối với những cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng Ưu tiên các mã đã có báo cáo Quý II/2022 duy trì kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt. Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 1/8/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
DCM	30.05	26-28	33-35	25	4.8	117.6%	175.8%	Theo dõi chờ giải ngân
DGW	60.9	54-59	68-70	48	12.9	40.0%	144.9%	Theo dõi chờ giải ngân
PTB	61	59-62	72-75	56	7.4	22.5%	42.8%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 60.5+-
HSG	18.1	17-18.3	21-22	15	2.5	16.7%	183.7%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 17.5+-

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
23/06/2022	GEX	23.8	18.6	22-24	20.8	27.96%	Nắm giữ
23/06/2022	TCH	12.25	10.25	13-13.5	11	19.51%	Nắm giữ
23/06/2022	MBS	23.7	16.4	23.5-24	20	44.51%	Nắm giữ
23/06/2022	SCR	12.05	8.89	13-13.5	10.3	35.55%	Xem xét bán 1/2 vùng giá mục tiêu
27/06/2022	DBC	25.3	18.55	26-28	22	36.39%	Nắm giữ
27/06/2022	TCD	12.25	10.15	13-14	11	20.69%	Nắm giữ
28/06/2022	EVF	10.75	9.99	13-14	10	7.61%	Nắm giữ
29/06/2022	VPI	65.5	63.2	76-78	59	3.64%	Nắm giữ
30/06/2022	BSI	29.25	22.4	29-30	25	30.58%	Xem xét bán 1/2 vùng giá mục tiêu
1/7/2022	PLC	27.7	22.2	27-28	25	24.77%	Nắm giữ
4/7/2022	VCG	23.3	18.2	24-26	20.5	28.02%	Nắm giữ
4/7/2022	MBB	26.5	24.3	28-29	24.5	9.05%	Nắm giữ
7/7/2022	VNM	73.5	70.7	82-83	70	3.96%	Nắm giữ
11/7/2022	SSI	22.8	20	25-27	20	14.00%	Nắm giữ
12/7/2022	ASM	15.65	13.45	16.5-17	14.2	16.36%	Nắm giữ
14/7/2022	GVR	24.7	22.6	28-30	22	9.29%	Nắm giữ
18/7/2022	BVH	59.2	56.6	66-70	54	4.59%	Nắm giữ
27/7/2022	NT2	26.2	25.5	29.5-31	24	2.75%	Nắm giữ
28/7/2022	KBC	39.55	36.85	41-43	35	7.33%	Nắm giữ



TIN VÍ MÔ

<b>PMI tháng 7 đạt trên 51 điểm</b>	Đây là tháng thứ 10 liên tiếp chỉ số PMI của Việt Nam ghi nhận ở ngưỡng trên 50 điểm, cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất đang trong xu hướng phục hồi.
<b>Vốn FDI giảm tháng thứ 6 liên tiếp</b>	Theo Cục Đầu tư nước ngoài, tính đến ngày 20/7/2022, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) đạt hơn 15,41 tỷ USD, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm 2021.
<b>Thủ tướng yêu cầu kiểm soát giá hàng hóa, dịch vụ sau khi giá xăng dầu giảm mạnh</b>	Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký ban hành Công điện số 679/CP-TTg ngày 31/7/2022 về việc tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá.
<b>Từ 1/8, người dân Hà Nội được hỗ trợ đến 60% mức đóng BHXH tự nguyện</b>	Theo đó, đối tượng áp dụng là người tham gia BHXH tự nguyện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
<b>Bộ Nông nghiệp sửa quy định kiểm dịch</b>	Theo đó, các sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch gồm: Sản phẩm động vật thủy sản (bao gồm cả phiêu, trứng, tinh dịch và ấu trùng của các loài thủy sản) ở dạng tươi sống, ướp lạnh, đông lạnh; các đối tượng sản phẩm động vật thủy sản khác thuộc diện phải kiểm dịch theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo quy định của các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.
<b>Tập đoàn điện gió ngoài khơi lớn nhất thế giới đề xuất đầu tư 2 dự án điện gió hơn 380.000 tỷ đồng tại Ninh Thuận</b>	Liên danh Nhà đầu tư gồm Tập đoàn Orsted và Tập đoàn T&T đã có buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Ninh Thuận và đề xuất đầu tư dự án Điện gió ngoài khơi Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2 với tổng công suất 5.000 MW.
<b>Năm mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD trong 7 tháng năm 2022</b>	Bao gồm: Điện thoại và linh kiện; điện tử, máy tính và linh kiện; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; dệt, may; giày dép.



TIN DOANH NGHIỆP

**Viettel Global đạt mức LNTT gần 3.200 tỷ đồng trong nửa đầu năm**

6 tháng đầu năm, Viettel Global đạt 11.287 tỷ đồng doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh, tăng 17% so với mức 9.655 tỷ đồng của cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế tăng gấp 3,5 lần, từ 912 tỷ lên 3.159 tỷ đồng.

**Habeco vượt kế hoạch lãi sau thuế sau 6 tháng**

Lũy kế 6 tháng đầu năm, Habeco mang về gần 3.490 tỷ đồng doanh thu thuần và gần 240 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Như vậy, Công ty đã thực hiện được 57,5% chỉ tiêu doanh thu và vượt 109% mục tiêu lợi nhuận sau thuế cả năm.

**POW: Lãi ròng quý 2 giảm phân nửa**

Với mảng ô tô, 6 tháng đầu năm Thaco Auto đã bán được 66 ngàn xe, chiếm thị phần 40% cao nhất và gấp đôi so với hãng xe đứng thứ 2 tại Việt Nam và xuất khẩu là hơn 1.400 xe, kế hoạch cả năm 2022 sẽ bán ra hơn 142 ngàn xe.

**BIDV: lãi trước thuế quý 2 hơn 6.570 tỷ đồng, tăng 41%**

Trong quý 2/2022, thu nhập lãi thuần tăng 13% và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm 25% là những yếu tố giúp BIDV ghi nhận lãi trước thuế tăng 41% so với cùng kỳ, đạt hơn 6.570 tỷ đồng.

**PVD lỗ ròng 117 tỷ sau nửa đầu năm**

Quý 2, PVD đạt doanh thu 1.505 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, PVD ghi nhận lỗ ròng 60 tỷ đồng trong quý 2/2022, nâng lỗ lũy kế nửa đầu năm lên mức 117 tỷ đồng.

**HTN báo lãi ròng 86 tỷ đồng trong quý 2**

Cụ thể, trong quý 2, doanh thu thuần và LNST của HTN ghi nhận lần lượt hơn 1.757 tỷ đồng và 86 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ.

**FRT: lãi ròng quý 2 tăng 55%**

Lũy kế 6 tháng đầu năm, FRT ghi nhận doanh thu gần 14 ngàn tỷ đồng, tăng 55% so cùng kỳ. Lãi trước thuế và lãi ròng đạt lần lượt 263 tỷ đồng và 211 tỷ đồng, gấp 3,5 lần cùng kỳ.

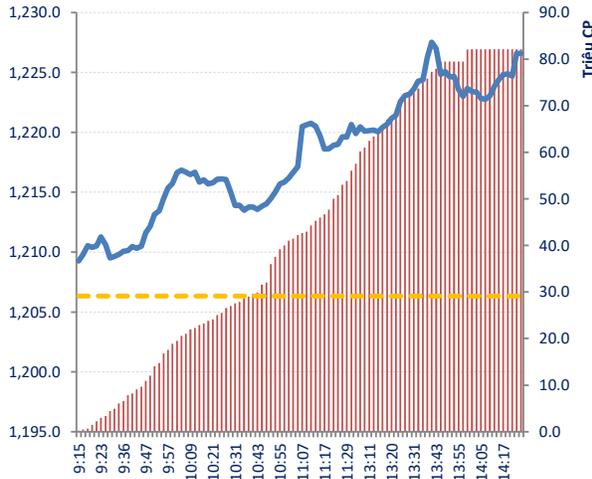
**Lợi nhuận ACV đạt đỉnh nhờ chênh lệch tỷ giá**

Tổng công ty hàng không Việt Nam vừa công bố kết quả kinh doanh quý II với doanh thu thuần 3.429 tỷ đồng, gấp 2,5 lần so với cùng kỳ 2021. Doanh thu tài chính của ACV đạt 1.906 tỷ đồng, gấp 2 lần so với quý II/2021 nhờ khoản lãi chênh lệch tỷ giá tăng. Kết quả ACV ghi nhận 2.598 tỷ đồng lãi sau thuế, gấp 7,6 lần so với cùng kỳ năm trước

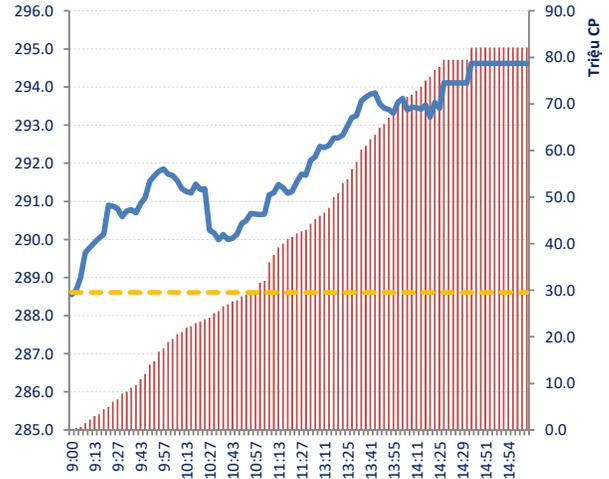


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

#### KLGD và VN-Index trong phiên



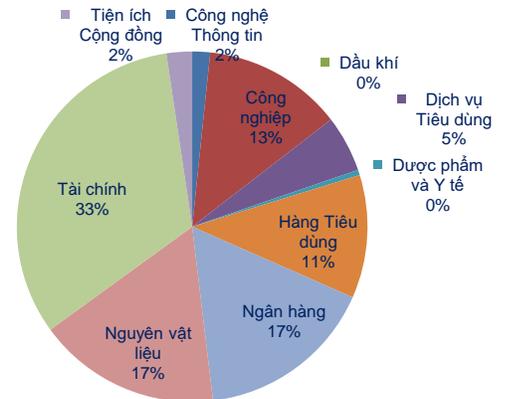
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



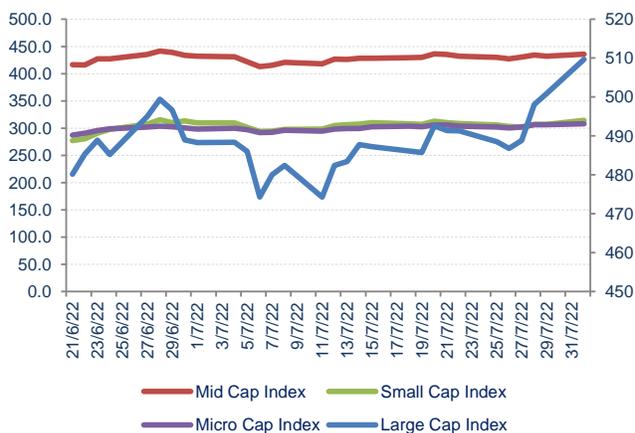
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



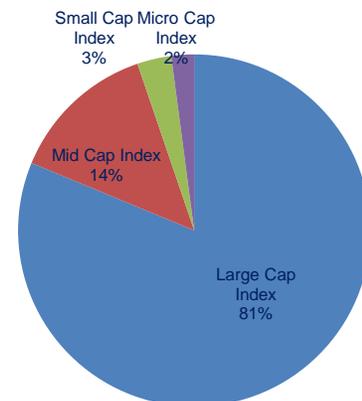
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	5,092,100	FUEVFNVD	851,300	1	TNG	109,500	PVS	635,600
2	STB	4,156,700	TLG	589,600	2	IDC	65,800	MCF	64,700
3	HPG	3,397,900	E1VFN30	541,100	3	PCG	26,000	SHS	46,000
4	CTG	2,311,500	DGC	461,400	4	TA9	11,300	NVB	34,900
5	KBC	1,667,700	HQC	331,900	5	IVS	10,900	HUT	8,400

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	19.10	20.40	↑ 6.81%	4,253,030	SHS	13.10	14.20	↑ 8.40%	21,380,286
HPG	21.50	22.80	↑ 6.05%	3,814,390	CEO	31.40	32.80	↑ 4.46%	7,136,503
SSI	21.35	22.80	↑ 6.79%	2,916,990	PVS	23.00	23.50	↑ 2.17%	6,773,968
SHB	14.65	15.05	↑ 2.73%	2,264,800	HUT	29.60	30.40	↑ 2.70%	4,496,891
HNG	6.49	6.08	↓ -6.32%	2,159,380	KLF	3.20	3.20	→ 0.00%	2,439,751

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNL	19.45	20.80	1.35	↑ 6.94%	L40	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
TLG	50.50	54.00	3.50	↑ 6.93%	CLM	89.30	98.20	8.90	↑ 9.97%
FTS	31.75	33.95	2.20	↑ 6.93%	CMS	14.10	15.50	1.40	↑ 9.93%
DAH	7.57	8.09	0.52	↑ 6.87%	L18	28.40	31.20	2.80	↑ 9.86%
VND	19.10	20.40	1.30	↑ 6.81%	ADC	17.40	19.10	1.70	↑ 9.77%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	106.80	99.40	-7.40	↓ -6.93%	VTH	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
SVI	71.00	66.10	-4.90	↓ -6.90%	TET	34.30	30.90	-3.40	↓ -9.91%
DTT	15.30	14.25	-1.05	↓ -6.86%	SDU	33.30	30.00	-3.30	↓ -9.91%
HNG	6.49	6.08	-0.41	↓ -6.32%	VE8	8.20	7.40	-0.80	↓ -9.76%
TMT	22.00	20.75	-1.25	↓ -5.68%	KHS	22.80	20.60	-2.20	↓ -9.65%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	4,253,030	12.3%	404	50.5	1.5
HPG	3,814,390	32.1%	5,164	4.4	1.3
SSI	2,916,990	13.0%	1,205	18.9	2.4
SHB	2,264,800	20.1%	2,874	5.2	1.0
HNG	2,159,380	-18.9%	(1,117)	-	1.3

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	21,380,286	25.5%	1,325	10.7	1.2
CEO	7,136,503	4.3%	571	57.5	2.4
PVS	6,773,968	4.2%	1,117	21.0	0.9
HUT	4,496,891	6.1%	711	42.8	2.7
KLF	2,439,751	-0.8%	(82)	-	0.3

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNL	↑ 6.9%	17.9%	4,544	4.6	0.8
TLG	↑ 6.9%	21.4%	5,152	10.5	2.1
FTS	↑ 6.9%	32.6%	5,774	5.9	1.6
DAH	↑ 6.9%	10.1%	1,060	7.6	0.8
VND	↑ 6.8%	12.3%	404	50.5	1.5

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
L40	↑ 10.0%	-7.0%	(1,302)	-	1.0
CLM	↑ 10.0%	115.3%	27,196	3.6	2.4
CMS	↑ 9.9%	8.0%	1,032	15.0	1.3
L18	↑ 9.9%	5.7%	849	36.7	2.0
ADC	↑ 9.8%	15.9%	2,612	7.3	1.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	5,092,100	13.0%	1,205	18.9	2.4
STB	4,156,700	10.3%	1,902	13.3	1.3
HPG	3,397,900	32.1%	5,164	4.4	1.3
CTG	2,311,500	15.1%	3,057	9.4	1.3
KBC	1,667,700	4.4%	935	42.3	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	109,500	19.2%	2,807	9.9	1.9
IDC	65,800	13.2%	1,985	31.4	3.5
PCG	26,000	-0.5%	(41)	-	0.8
TA9	11,300	13.1%	1,552	9.6	1.2
IVS	10,900	5.3%	527	15.2	0.8

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	364,404	21.7%	5,271	14.6	3.0
VHM	261,262	21.8%	6,474	9.3	2.0
VIC	246,762	-0.5%	(173)	-	1.9
GAS	206,515	23.6%	6,738	16.0	3.4
BID	197,282	14.7%	2,580	15.1	2.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	24,780	6.2%	1,268	65.2	3.8
IDC	20,559	13.2%	1,985	31.4	3.5
THD	20,335	12.4%	2,155	27.0	3.1
NVB	16,092	-1.9%	(189)	-	3.8
BAB	13,746	8.1%	905	18.7	1.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

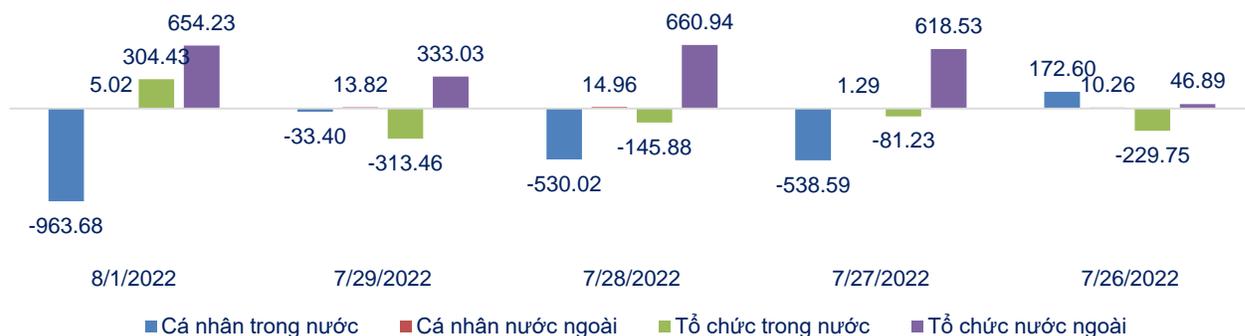
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.68	32.6%	5,774	5.9	1.6
ABS	2.62	7.4%	862	14.8	1.1
CTS	2.62	8.7%	999	19.8	1.2
HAX	2.61	31.5%	4,036	5.2	1.4
VIX	2.59	20.7%	944	12.5	0.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	2.79	7.9%	741	20.5	1.5
PVL	2.71	5.8%	291	21.7	1.3
BII	2.69	3.1%	345	11.6	0.3
TVC	2.68	17.5%	3,763	2.3	0.4
DL1	2.50	3.3%	369	17.3	0.6

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



### Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	49.85	-0.5%	(173)	-	1.9
TLG	33.01	21.4%	5,152	10.5	2.1
DGC	26.18	68.6%	13,204	6.9	3.6
FRT	25.37	37.5%	4,874	15.2	3.2
ACB	22.61	25.1%	3,482	7.2	1.6

### Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-154.18	32.1%	5,164	4.4	1.3
KBC	-134.68	4.4%	935	42.3	1.3
STB	-128.77	10.3%	1,902	13.3	1.3
SSI	-118.66	13.0%	1,205	18.9	2.4
CTG	-83.86	15.1%	3,057	9.4	1.3

### Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	3.93	13.0%	1,205	18.9	2.4
HDB	1.29	21.6%	3,464	7.1	1.4
FUEVFVND	1.27	N/A	N/A	N/A	N/A
SHB	1.04	20.1%	2,874	5.2	1.0
TYA	0.89	12.0%	1,908	7.8	0.9

### Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-1.49	32.1%	5,164	4.4	1.3
POW	-1.36	4.8%	666	20.3	1.0
GMD	-1.23	12.2%	2,912	18.0	2.0
LHG	-1.06	9.1%	2,666	13.8	1.3
SAB	-1.03	19.9%	7,167	25.5	4.8

### Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	77.87	32.1%	5,164	4.4	1.3
KBC	69.06	4.4%	935	42.3	1.3
DXG	44.81	6.7%	1,502	17.5	1.1
VIB	41.65	28.9%	3,463	7.7	2.0
VPB	25.47	19.6%	3,774	7.7	1.3

### Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-46.29	-0.5%	(173)	-	1.9
ACB	-22.61	25.1%	3,482	7.2	1.6
VHM	-20.20	21.8%	6,474	9.3	2.0
FUESSVFL	-20.12	N/A	N/A	N/A	N/A
MWG	-18.11	23.6%	3,396	18.1	4.0

### Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	110.94	13.0%	1,205	18.9	2.4
STB	105.23	10.3%	1,902	13.3	1.3
HPG	77.80	32.1%	5,164	4.4	1.3
KBC	65.48	4.4%	935	42.3	1.3
CTG	65.09	15.1%	3,057	9.4	1.3

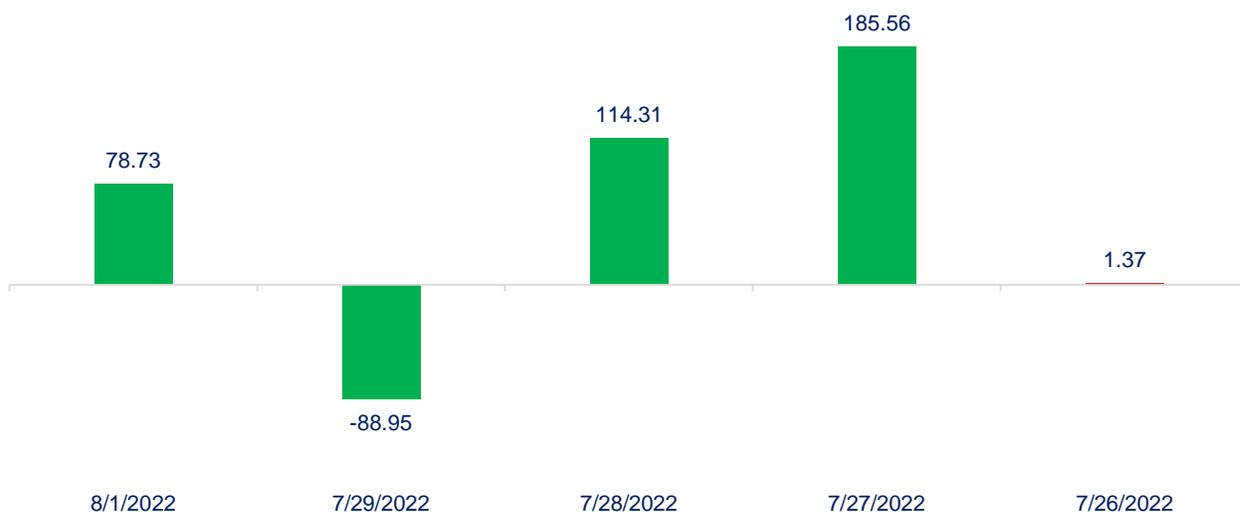
### Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-38.73	68.6%	13,204	6.9	3.6
TLG	-32.37	21.4%	5,152	10.5	2.1
FUEVFVND	-20.87	N/A	N/A	N/A	N/A
E1VFN30	-15.82	N/A	N/A	N/A	N/A
VGC	-14.71	23.0%	4,352	14.0	3.0

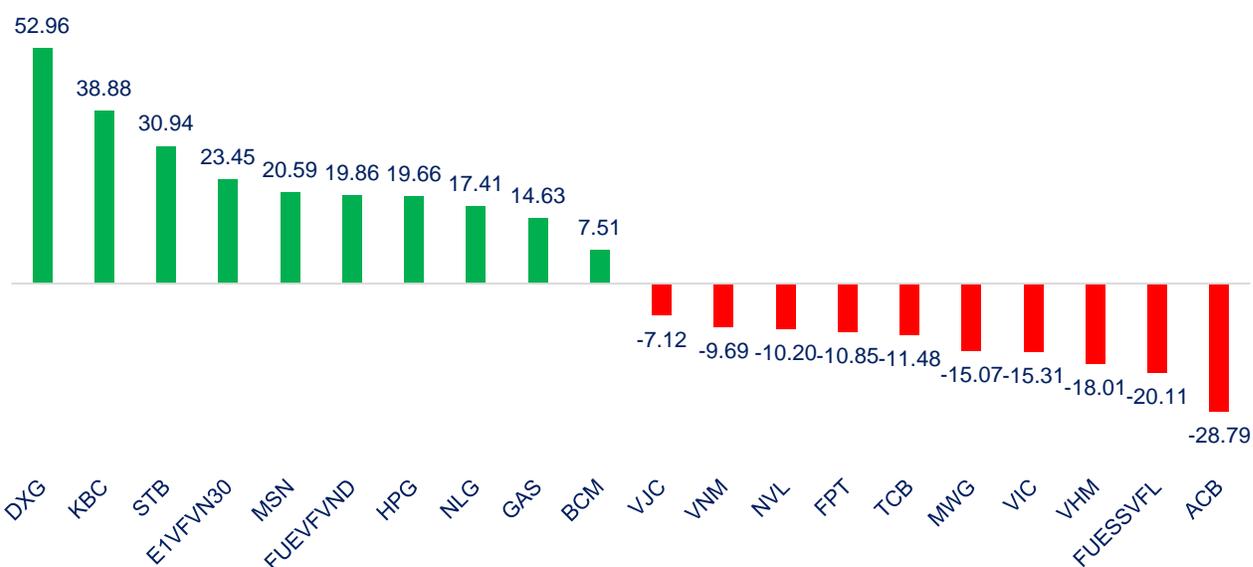


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HNX và UPCOM (triệu đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)